

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02-5-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Thịnh;
2. Bà Lương Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2024; Quyết định thay đổi Thư ký số: 06/2024/HNGĐST-QĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Lương Thị S, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29/02/2024, các lời khai sau đó tại Tòa án, nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Dương Văn T chung sống với nhau từ năm 2001, trước khi kết hôn hai người không có thời gian tự tìm hiểu, không có thời gian yêu nhau mà kết hôn qua mai mối và được hai bên gia

đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Tại thời điểm kết hôn cả hai vợ chồng chưa đăng ký kết hôn, đến ngày 08/02/2012 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn vào tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường với nhau, đến năm 2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Dương Văn T không chịu làm ăn, suốt ngày cờ bạc, rượu chè, khi về nhà chị Lương Thị T nói thì lại đánh chị, cuộc sống cứ tiếp diễn như thế khiến cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hai bên gia đình có biết và khuyên giải nhưng không thể hàn gắn được. Chị Lương Thị T cố gắng chịu đựng vì con cái, nhưng đến năm 2012 chị không thể chịu đựng được nữa nên đã phải ra khỏi nhà để đi làm ăn bên Trung Quốc, từ khi đi vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, không quan tâm gì đến nhau, chị Lương Thị T đi làm ăn cũng không về thăm gia đình con cái được, nhưng chị vẫn gửi tiền về cho con trai trang trải tiền học, tiền ăn, thậm trí cả tiền mua xe máy cho con. Đến năm 2023 chị về Việt Nam làm ăn sinh sống và ở nhà ngoại tại Thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đến nay, bản thân chị Lương Thị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng Dương Văn T không đồng ý. Vợ chồng chị Lương Thị T và anh Dương Văn T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau cũng không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Nay, chị Lương Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Dương Văn T nữa. Chị Lương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn T.

Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Dương Văn T có 03 con chung là cháu Dương Văn D, sinh ngày 25/3/2004, đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Dương Thu T, sinh ngày 10/7/2008 và cháu Dương Bích Y, sinh ngày 20/9/2011. Từ khi chị Lương Thị T đi Trung Quốc làm ăn, vợ chồng ly thân và trong suốt quá trình giải quyết vụ án đến nay cháu Dương Thu T và cháu Dương Bích Y sống với anh Dương Văn T và mẹ đẻ của anh Dương Văn T tại Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tại đơn khởi kiện ban đầu và Bản khai chị Lương Thị T yêu cầu anh Dương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Dương Thu T và cháu Dương Bích Y đến khi các con đủ 18 tuổi và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/4/2024 Chị Lương Thị T yêu cầu anh Dương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Dương Thu T và cháu Dương Bích Y cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lương Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 1.000.000 đồng/tháng/01 con (một triệu đồng một con) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi và chị không phải chịu lãi suất chậm trả.

Quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai. Chị Lương Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Biên bản lấy lời khai, ngày 02/4/2024 anh Dương Văn T trình bày: Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án nhưng do bị ốm nên anh không đến Tòa án được.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Dương Văn T chung sống với nhau từ năm 2001, trước khi kết hôn hai người không có thời gian tự tìm hiểu, không có thời gian yêu nhau mà kết hôn qua mai mối và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Tại thời điểm kết hôn cả hai vợ chồng chưa đăng ký kết hôn, đến ngày 08/02/2012 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn vào tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, bình thường đến khoảng năm 2012 chị Lương Thị T đi Trung Quốc làm thuê. Từ lúc đi Trung Quốc chị Lương Thị T không về thăm chồng con và cũng không gửi tiền cho anh Dương Văn T nuôi con, một mình anh Dương Văn T tự chăm lo cho các con. Đến nay chị Lương Thị T quay về Việt Nam sinh sống với bố mẹ đẻ tại Thôn K, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau cũng không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Nay chị Lương Thị T yêu cầu ly hôn, anh Dương Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị Lương Thị T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Dương Văn D, sinh ngày 25/3/2004, đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Dương Thu T, sinh ngày 10/7/2008 và cháu Dương Bích Y, sinh ngày 20/9/2011. Khi ly hôn anh Dương Văn T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Thu T và cháu Dương Bích Y cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Dương Văn T yêu cầu chị Lương Thị T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/01 con (một triệu đồng một con) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do bận công việc, anh Dương Văn T không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, anh đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết vắng mặt anh tại tất cả các phiên họp, phiên tòa cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Biên bản lấy ý kiến, ngày 02/4/2024 cháu Dương Thu T và cháu Dương Bích Y trình bày: Bố mẹ đã ly thân từ năm 2012 đến nay, mẹ không về thăm các cháu nhiều năm, nếu bố mẹ ly hôn các cháu mong muốn được tiếp tục sống với bố là anh Dương Văn T.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng, ngày 03/4/2024 bà Lương Thị S (chị gái ruột của chị Lương Thị T) trình bày: Vợ chồng chị Lương Thị T và anh Dương Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, cả hai không có thời gian tự tìm hiểu mà được mai mối, được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L,

tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến năm 2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Dương Văn T không chịu làm ăn, suốt ngày cờ bạc, rượu chè, khi về nhà chị Lường Thị T nói thì lại đánh chị, cuộc sống cứ tiếp diễn như thế khiến cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Chị Lường Thị T cố gắng chịu đựng vì con cái, nhưng đến năm 2012 chị Lường Thị T không thể chịu đựng được nữa đã phải ra khỏi nhà để đi làm ăn bên Trung Quốc, từ đó vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, không quan tâm gì đến nhau, chị Lường Thị T không về thăm gia đình con cái được, chị vẫn gửi tiền về cho con trai để trang trải tiền học. Đến năm 2023 chị Lường Thị T về Việt Nam làm ăn sinh sống và ở lại nhà ngoại tại đến nay, bản thân chị Lường Thị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng Dương Văn T không đồng ý. Vợ chồng chị Lường Thị T và anh Dương Văn T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau, mỗi người sống một nơi. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra chị Lường Thị S có biết và khuyên giải nhưng không được. Đến nay chị thấy tình cảm vợ chồng chị Lường Thị T và anh Dương Văn T khó có thể hàn gắn được do sống ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Dương Văn D, đã trên 18 tuổi, cháu Dương Thu T và cháu Dương Bích Y. Từ trước đến nay cháu Dương Thu T và cháu Dương Bích Y sống với bố đẻ và bà nội nên để anh Dương Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu 02 con chung là phù hợp. Chị Lường Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Do bận công việc làm ăn nên bà Lường Thị S đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lường Thị T và bị đơn anh Dương Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Lường Thị T và anh Dương Văn T kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 08/02/2012 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Từ năm 2012 đến nay thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau cũng không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Chị Lường

Thị T xin ly hôn với anh Dương Văn T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị T được ly hôn với anh Dương Văn T. Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Dương Văn T có 03 con chung là cháu Dương Văn D, sinh ngày 25/3/2004, đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Dương Thu T, sinh ngày 10/7/2008 và cháu Dương Bích Y, sinh ngày 20/9/2011. Xét thấy Từ khi chị Lương Thị T đi Trung Quốc làm ăn, vợ chồng ly thân và trong suốt quá trình giải quyết vụ án đến nay cháu Dương Thu T và cháu Dương Bích Y sống với anh Dương Văn T và mẹ đẻ của anh Dương Văn T và các con đều có nguyện vọng được sống cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Cả chị Lương Thị T và anh Dương Văn T đều thống nhất giao con chung cho Dương Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy anh Dương Văn T có chỗ ở ổn định, có mẹ đẻ phụ giúp chăm sóc các con. Chị Lương Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 1.000.000 đồng/tháng/ 01 con (một triệu đồng một con) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với đề nghị của bị đơn anh Dương Văn T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Dương Thu T và cháu Dương Bích Y cho anh Dương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi; chị Lương Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/01 con (một triệu đồng một con) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi, chị Lương Thị T không phải chịu lãi suất chậm trả do anh Dương Văn T không yêu cầu, chị Lương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Lương Thị T thực hiện quyền này. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lương Thị T và bị đơn anh Dương Văn T vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện họ đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người làm chứng bà Lương Thị S đã có lời khai, đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng và có ý kiến xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Văn T, cư trú tại Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Dương Văn T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 08/02/2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Lương Thị T và anh Dương Văn T là hợp pháp. Từ năm 2012 đến nay thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau cũng không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Lương Thị T và anh Dương Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Dương Văn T có 03 con chung là cháu Dương Văn D, sinh ngày 25/3/2004, đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; cháu Dương Thu T, sinh ngày 10/7/2008 và cháu Dương Bích Y, sinh ngày 20/9/2011. Xét thấy, từ khi bố mẹ sống ly thân đến nay cháu Dương Thu T và cháu Dương Bích Y đều sống cùng bố đẻ và bà nội, tại lời khai của các con đều có nguyện vọng muốn được sống cùng với bố là Dương Văn T sau khi bố mẹ ly hôn, phù hợp với ý kiến của chị Lương Thị T và anh Dương Văn T. Xét thấy anh Dương Văn T có chỗ ở ổn định, có mẹ đẻ hỗ trợ, giúp đỡ trong việc chăm sóc các con. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, giao con chung là cháu Dương Thu T và cháu Dương Bích Y cho anh Dương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Lương Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/01 con (một triệu đồng một con) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng, chị Lương Thị T không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng do anh Dương Văn T không yêu cầu. Chị Lương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Lương Thị T thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lương Thị T và anh Dương Văn T đều trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Dương Văn T. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 10, đăng ký ngày 08/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Thu T, sinh ngày 10/7/2008 và cháu Dương Bích Y, sinh ngày 20/9/2011 cho anh Dương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Chị Lương Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/01 con (một triệu đồng một con) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con trước ngày 30 hàng tháng. Chị Lương Thị T không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Lương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Lương Thị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lương Thị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002289, ngày 05/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Lương Thị T phải nộp tiếp tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, huyện L;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thúy Huyền

